

Bản án số: 60/2018/HC-PT
Ngày 20 - 3 - 2018
V/v Khiếu kiện Quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Bà Mai Thị Tú Oanh;

Ông Trần Văn Mười.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Diệu Thúy – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Vũ Hồng Cường- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 484/2017/TLPT - HC ngày 13 tháng 11 năm 2017 về việc “Khiếu kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2017/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 185/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1945.

Địa chỉ: khu phố X1, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: khu phố X2, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

1/. Ông Võ Văn L - Công chức Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

2/. Bà Nguyễn Thị Tuyết Th – Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Văn H1 - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

2/ Ủy ban nhân dân phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Ngọc V - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (có mặt)

- *Người làm chứng:*

1/. Bà Ngô Thị Thu L1, sinh 1595. (vắng mặt)

2/ Bà Ngô Thị Hồng L2, sinh 1961. (vắng mặt)

3/ Ông Đặng Hữu T, sinh 1963. (vắng mặt)

4/ Ông Nguyễn M, sinh 1947. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: khu phố X, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- *Người kháng cáo:* Người khởi kiện bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, người khởi kiện, đại diện ủy quyền của người khởi kiện trình bày:

Năm 1972, ông Nguyễn Văn Th (chồng bà H) có nhận chuyển nhượng của ông Phạm Sĩ Ngh một thửa đất có diện tích khoảng 11.684,3m² tọa lạc tại khu phố X, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận với giá là 150.000 đồng. Việc sang nhượng có lập bằng văn bản và được chứng thực của trưởng ấp Ph, xã Ph1, huyện H1. Sau khi nhận chuyển nhượng, bà sử dụng ổn định đến năm 1975 thì Công ty X tự ý vào xây dựng trụ sở mà không có sự thỏa thuận hay sự đồng ý của bà. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng không có quyết định nào về việc thu hồi diện tích đất trên của bà để giao cho Công ty X sử dụng.

Đến năm 1986, Công ty X giải thể, bà tiếp tục quản lý và sử dụng diện tích đất trên cho đến nay. Quá trình sử dụng đất, bà khai có trồng keo, bạch đàn và bà có đơn đề nghị được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào thời điểm năm 2002, 2005, 2009 và năm 2013 nhưng Ủy ban nhân dân phường T không xác minh nguồn gốc đất để tham mưu cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà có văn bản cho rằng diện tích đất trên là đất do phường T quản lý. Tuy vậy, nhưng từ năm 1986 đến năm 2013, UBND phường T không có bất kỳ hành vi nào thể hiện sự quản lý đất trong khi bà vẫn liên tục tác động trên đất, trồng keo và đã thu hoạch nhiều vụ.

Ngày 21/4/2014, bà đã đề nghị UBND thị xã L tiếp tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà. Ngày 24/7/2014, UBND thị xã L ban hành

Công văn số 1725/UBND-TNMT trả lời không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà, không đồng ý bà đã khiếu nại Công văn số 1725/UBND-TNMT.

Ngày 13/5/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L ban hành Quyết định số 810/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại của bà. Bà Nguyễn Thị H tiếp tục khiếu nại.

Ngày 19/4/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 1103/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị H đối với Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 13/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L.

Ngày 19/10/2016, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận và Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 13/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L vì bà cho rằng các quyết định trên không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà.

Người đại diện của người bị kiện Chủ tịch UBND tỉnh Bình Thuận trình bày:

Theo hồ sơ địa chính do UBND phường T cung cấp thì diện tích bà Nguyễn Thị H khiếu nại thuộc thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10, diện tích đo đạc thực tế là 11.684,3 m², tọa lạc tại khu phố X, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Diện tích đất này được Nhà nước quản lý từ năm 1975, thời điểm này, thửa đất trên được Lâm trường H1 trồng điều để phủ xanh đất trống; đến năm 1978, Công ty X xây dựng khu hành chính và hoạt động đến năm 1986 thì giải thể, hiện còn vật kiến trúc, nền nhà, giếng nước, hồ nước.

Sau khi Công ty X giải thể, diện tích đất trên được UBND phường T quản lý và có hợp đồng cho một số hộ dân phơi cá heo, tuy nhiên bà H mặc dù biết nhưng không có tranh chấp, khiếu nại.

Vào các năm 2002, 2009, 2013 và 2014, gia đình bà H nhiều lần có đơn xin lại thửa đất trên để sản xuất nhưng UBND phường T đều có thông báo trả lời không chấp nhận yêu cầu của bà H. Khi UBND phường T lập biên bản đề nghị gia đình bà không được tác động lên đất do Nhà nước quản lý thì bà H xin được sản xuất thêm một mùa nữa vì gia đình bà đang gặp khó khăn. Biên bản kiểm tra thực địa năm 2002 cũng không có cây trồng của gia đình bà, hiện trên đất không có cây trồng do bà H trồng.

Người bị kiện không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận và Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 13/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chủ tịch UBND thị xã L trình bày:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L thống nhất với ý kiến của người bị kiện, không chấp nhận yêu cầu hủy Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 13/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà H

vì quyết định trên của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L ban hành đúng quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND phường T, thị xã L trình bày:

Ủy ban nhân dân phường T quản lý diện tích đất này sau ngày giải phóng Miền Nam năm 1975. Sau đó tình thu hồi cho Công ty X sử dụng. Năm 1986, sau khi Công ty X giải thể, bà Nguyễn Thị H tiếp tục canh tác trên đất, trồng điều, keo lá tràm và cây bạch đàn, phường đã lập biên bản nhưng gia đình nói khó khăn nên cho sử dụng để thu hoạch keo sau đó phường không cho tác động nữa. Năm 1996, UBND phường T ký Hợp đồng kinh tế số 02/HĐ và số 04/HĐ cho Xí Nghiệp Th (do ông Lê Phước H2 làm chủ) và ông Lê V thuê mặt bằng của Công ty X (cũ) để sử dụng. Ngoài ra, UBND phường T còn cho ông Huỳnh Ngọc B, Trần Văn Đ thuê mặt bằng để phơi cá làm thức ăn cho heo. Năm 1996, UBND phường T (trước đây là xã T) đã kê khai diện tích đất trên thuộc đất do UBND xã quản lý theo Chỉ thị số 245/TTg ngày 22/4/1996 của Thủ tướng Chính phủ. Năm 2002, sau thời gian canh tác trên đất, ông Nguyễn Văn Th (chồng bà H) có đơn gửi đến UBND huyện H1 để xin lại thửa đất trên. UBND phường T có Thông báo số 36/TB-UBTA ngày 19/7/2002 trả lời không giải quyết đơn xin lại đất của ông Th. Hiện nay, gia đình bà H đã được giải quyết cấp cho gia đình hơn 60.000m². Do vậy, UBND phường T thống nhất với ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện về việc hủy Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Chủ tịch ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận và Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 13/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L về việc giải quyết khiếu nại đối với bà H.

Người làm chứng trình bày:

Những người làm chứng đều thừa nhận diện tích đất tranh chấp hiện nay tọa lạc tại khu phố X, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận diện tích đo đạc thực tế là 11.684,3 m², thửa đất số 117, tờ bản đồ số 10 có nguồn gốc do vợ chồng bà Nguyễn Thị H nhận chuyển nhượng của ông Phạm Sĩ Ngh từ năm 1972, gia đình bà H nhận chuyển nhượng và sử dụng ổn định đến năm 1975, sau năm 1975 không thấy gia đình sử dụng nữa và thấy Công ty X đến xây dựng, sau đó thì di chuyển đi chỗ khác, có thời kỳ thấy một số hộ dân phơi cá để làm thức ăn cho heo, có thời gian thấy gia đình bà H trồng keo lá tràm.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 22/2017/HC-ST ngày 30 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 30, Điều 32, Điều 157, 158, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đất đai năm 2013; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận “về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị H khiếu nại Quyết định số

810/QĐ-UBND ngày 13/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu về đất đai đối với bà H” và hủy Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 13/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L “về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị H, thường trú tại khu phố X1, phường T, thị xã L”.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Ngày 11/9/2017, người khởi kiện bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H có ông Nguyễn Thanh B đại diện vẫn giữ yêu cầu kháng cáo. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà H, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, người khởi kiện, bà Nguyễn Thị H vẫn giữ yêu cầu kháng cáo nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H: Bà Nguyễn Thị H đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận đã không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà về việc xin lại diện tích đất có nguồn gốc của gia đình bà nhận chuyển nhượng từ năm 1972.

Năm 1972, ông Nguyễn Văn Th (chồng bà H) nhận chuyển nhượng của ông Phạm Sĩ Ngh một thửa đất có diện tích khoảng 11.684,3m² tọa lạc tại khu phố X, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận với giá là 150.000 đồng. Việc sang nhượng có lập bằng văn bản và được chứng thực của trưởng ấp Ph, xã Ph1, huyện H1. Sau khi nhận chuyển nhượng, gia đình bà H sử dụng đến năm 1975 thì diện tích đất này do Công ty X quản lý, sử dụng.

Năm 1996, Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) quản lý, sử dụng. Gia đình bà H có đơn xin lại diện tích đất nêu trên để sử dụng.

Ngày 13/5/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L ban hành Quyết định số 810/QĐ-UBND giải quyết khiếu nại lần đầu không chấp nhận yêu cầu của bà H.

Ngày 19/4/2016, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận ban hành Quyết định số 1103/QĐ-UBND, không chấp nhận yêu cầu khiếu nại của bà H, giữ nguyên Quyết định 810/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thị xã L.

Đối với diện tích đất nêu trên, từ năm 1975, gia đình bà H không sử dụng đất, Lâm trường H1 sử dụng để trồng điều.

Năm 1977, diện tích đất này được sử dụng để xây dựng trụ sở hành chính của Công ty X. Công ty X được thành lập theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh Thuận Hải (cũ), trực thuộc Công ty X Bình Thuận. Công ty này hoạt động từ năm 1979 đến năm 1986 thì giải thể. Hiện nay, các tài liệu về quá trình thành lập, hoạt động của Công ty X không còn lưu giữ. Tuy nhiên, đây là doanh nghiệp nhà nước, được thành lập và hoạt động đúng quy định pháp luật. Do vậy, việc Công ty xây dựng, sử dụng trụ sở hành chính trên diện tích đất bị khiếu nại là hợp pháp và được Nhà nước công nhận.

Năm 1996, Ủy ban nhân dân phường T (trước đây là xã T) đã kê khai diện tích đất trên thuộc đất do Ủy ban nhân dân xã quản lý theo Chỉ thị số 245/TTg ngày 22/4/1996 của Thủ tướng Chính phủ (BL 124). Trong năm 1996, Ủy ban nhân dân phường T đã ký hợp đồng kinh tế cho một số tổ chức, cá nhân thuê mặt bằng diện tích đất trên để sử dụng. Thời điểm Ủy ban nhân dân phường T kê khai diện tích đất này, Luật Đất đai năm 1993 đang có hiệu lực và việc kê khai, sử dụng đất của Ủy ban nhân dân phường T là đúng quy định của pháp luật đất đai.

Bà H cho rằng giấy nhượng đất khẩn ngày 20/3/1972 ký kết giữa chồng bà là ông Nguyễn Văn Th và ông Phạm Sĩ Ngh là một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 nên trường hợp của bà đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, gia đình bà H không có quá trình sử dụng đất liên tục và ổn định. Trong quá trình Công ty X sử dụng đất trước đây và cho đến trước thời điểm Ủy ban nhân dân phường T (xã T trước đây) kê khai diện tích đất này thì bà H cũng không có tranh chấp gì. Việc sử dụng đất trước đây của Công ty X và việc kê khai, quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân phường T là hợp pháp.

Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà H không đủ điều kiện để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP là phù hợp. Các quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận không chấp nhận nội dung đơn khiếu nại về việc xin lại đất là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện và người có quyền và nghĩa vụ liên quan, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H.

[3] Do yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà H phải chịu án phí hành chính theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật tổ tụng hành chính; Điều 32, Điều 33, Điều 34 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; Giữ nguyên Bản

án hành chính sơ thẩm số 22/2017/HC-ST ngày 30/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 1103/QĐ-UBND ngày 19/4/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận “về việc giải quyết đơn của bà Nguyễn Thị H khiếu nại Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 13/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L về việc giải quyết khiếu nại lần đầu về đất đai đối với bà H” và hủy Quyết định số 810/QĐ- UBND ngày 13/5/2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã L “về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với bà Nguyễn Thị H, thường trú tại khu phố X1, phường T, thị xã L”.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm, được khấu trừ 200.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0011966 ngày 31/10/2016 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận và 300.000 đồng án phí hành chính phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0017384 ngày 21/9/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bình Thuận.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các Thẩm phán

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Mười

Mai Thị Tú Oanh

Trần Thị Thu Thủy